

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 02 THÁNG 10 NĂM 2025

| STT |  | Khách hàng                  | Ngày làm TB | Số TB   | Ngày hết hạn TB | Tên phương tiện   | Loại than | SL làm TB | SL thực rút | SL còn lại | Ngày xong | Mục đích sử dụng |                                     |
|-----|--|-----------------------------|-------------|---------|-----------------|-------------------|-----------|-----------|-------------|------------|-----------|------------------|-------------------------------------|
|     |  | TỔNG CỘNG                   |             |         |                 |                   |           | 362 110   | 128 521     | 233 589    |           |                  |                                     |
| I   |  | CẢNG CHÍNH                  |             |         |                 |                   |           | 70 390    | 20 770      | 49 620     |           |                  |                                     |
|     |  | Tàu đã làm hàng (trong cầu) |             |         |                 |                   |           | 24 570    | 20 770      | 3 800      |           |                  |                                     |
| 1   |  | KDT MIỀN BẮC (NGHI THIẾT)   | 01/10       | 1291/9  | 07/10           | TUẤN MINH 36      | CẨM 5A.1  | 3 950     | 3 880       | 70         | 02/10     | PTCB             | GIA HẠN L1                          |
| 2   |  | ĐAM NINH BÌNH               | 01/10       | 1287/9  | 10/10           | NB 6685           | CẨM 4A.1  | 1 900     | 1 837       | 63         | 02/10     |                  | GIA HẠN L1 (HỘ LỚN) - MÓN: 1.847,20 |
| 3   |  | VĨNH THẮNG                  | 01/10       | 1297/10 | 07/10           | BN 2308           | CỤC 5A.1  | 1 400     | 1 394       | 6          | 02/10     | TD               |                                     |
| 4   |  | KDT MIỀN BẮC (KIM THÁNH)    | 01/10       | 1290/9  | 07/10           | BN 2633           | CẨM 1     | 1 610     | 1 603       | 7          | 02/10     | TD               | GIA HẠN L1                          |
| 5   |  | KDT BẮC THÁI                | 02/10       | 1299/10 | 08/10           | BN 1808           | CẨM 1     | 1 600     | 1 555       | 45         | 02/10     | TD               | THAY 1235/9                         |
| 6   |  | KDT HÀ BẮC                  | 30/9        | 1286/9  | 30/9            | BN 1962           | CẨM 5A.1  | 1 010     | 1 000       | 10         | 02/10     | PTCB             |                                     |
| 7   |  | THAN MIỀN NAM               | 01/10       | 1296/10 | 07/10           | VIỆT THUẬN 095-01 | CẨM 5A.1  | 4 500     | 3 263       | 1 237      | RÓT DỖ    | BAUXIT           |                                     |
| 8   |  | THAN MIỀN NAM               | 01/10       | 1296/10 | 07/10           | VIỆT THUẬN 095-01 | CỤC 4A.2  | 4 100     | 2 642       | 1 458      | RÓT DỖ    | BAUXIT           |                                     |
| 9   |  | KDT MIỀN BẮC (NGHI THIẾT)   | 01/10       | 1292/9  | 07/10           | AN BÌNH 99        | CẨM 5A.1  | 3 400     | 3 198       | 202        | RÓT DỖ    | PTCB             | GIA HẠN L1                          |
| 10  |  | DVVT QUẢNG NINH             | 01/10       | 1293/10 | 07/10           | BN 2668           | CỤC XỎ 1C | 1 100     | 399         | 702        | RÓT DỖ    | TD               | THAY 1217/9                         |
|     |  | Tàu đã làm lệnh (trong cầu) |             |         |                 |                   |           | 45 820    |             | 45 820     |           |                  |                                     |
| 1   |  | KDT BẮC THÁI                | 30/9        | 1205/8  | 30/9            | NB 8011           | CẨM 2A.1  | 1 000     |             | 1 000      |           | TD               | GIA HẠN L1                          |
| 2   |  | KDT BẮC THÁI                | 30/9        | 1206/8  | 30/9            | BN 1363           | CẨM 4A.1  | 1 000     |             | 1 000      |           | TD               | GIA HẠN L1                          |
| 3   |  | DVVT QUẢNG NINH             | 30/9        | 1218/09 | 30/9            | BN 1348           | CỤC XỎ 1C | 990       |             | 990        |           | TD               | GIA HẠN L1                          |
| 4   |  | COALIMEX                    | 01/10       | 1250/9  | 07/10           | BN 0979           | CỤC XỎ 1C | 1 000     |             | 1 000      |           | TD               | GIA HẠN L2                          |
| 5   |  | SÔNG HỒNG                   | 01/10       | 1236/9  | 07/10           | BN 1858           | CỤC XỎ 1C | 1 040     |             | 1 040      |           | TD               | GIA HẠN L2                          |
| 6   |  | ĐT TM DV                    | 03/09       | 1221/09 |                 | BN 1309           | CỤC XỎ 1C | 1 050     |             | 1 050      |           | TD               |                                     |
| 7   |  | DVVT QUẢNG NINH             | 04/09       | 1226/09 | 19/09           | BN 1809           | CỤC XỎ 1C | 1 000     |             | 1 000      |           | TD               |                                     |
| 8   |  | DVVT QUẢNG NINH             | 05/09       | 1232/09 | 20/09           | BN 1835           | CỤC XỎ 1C | 1 100     |             | 1 100      |           | TD               |                                     |
| 9   |  | KDT BẮC THÁI                | 21/09       | 1260/9  | 28/09           | BN 1468           | CỤC XỎ 1C | 1 000     |             | 1 000      |           | TD               |                                     |
| 10  |  | SÔNG HỒNG                   | 22/09       | 1268/9  | 28/9            | BN 1856           | CỤC XỎ 1C | 1 000     |             | 1 000      |           | TD               | THAY 1187/8                         |
| 11  |  | SX&TM THAN UÔNG BÍ          | 27/9        | 1275/9  | 30/9            | BN 0719           | CỤC XỎ 1C | 1 000     |             | 1 000      |           | TD               |                                     |
| 12  |  | KDT BẮC THÁI                | 27/9        | 1277/9  | 30/9            | BN 1459           | CẨM 2A.1  | 1 000     |             | 1 000      |           | TD               |                                     |
| 13  |  | KDT BẮC THÁI                | 27/9        | 1278/9  | 30/9            | BN 0988           | CẨM 4A.1  | 1 000     |             | 1 000      |           | TD               |                                     |
| 14  |  | KDT HẢI PHÒNG               | 30/9        | 1283/9  | 30/9            | BN 1135           | CỤC XỎ 1C | 910       |             | 910        |           | TD               |                                     |
| 15  |  | DVVT QUẢNG NINH             | 01/10       | 1294/10 | 07/10           | BN 2629           | CỤC XỎ 1C | 1 980     |             | 1 980      |           | TD               |                                     |
| 16  |  | KDT BẮC THÁI                | 02/10       | 1298/10 | 08/10           | BN 1866           | CẨM 1     | 1 300     |             | 1 300      |           | TD               | THAY 1276/9                         |
| 17  |  | ĐT TM&DV                    | 02/10       | 1300/10 | 08/10           | BN 1826           | CỤC XỎ 1C | 1 050     |             | 1 050      |           | TD               |                                     |
| 18  |  | ĐIỆN VĨNH TÂN 1             | 02/10       | 1301/10 |                 | HẢI NAM 79        | CẨM 6A.1  | 27 400    |             | 27 400     |           |                  | HỘ LỚN                              |

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 02 THÁNG 10 NĂM 2025

| STT       |  | Khách hàng                               | Ngày làm TB | Số TB    | Ngày hết hạn TB | Tên phương tiện    | Loại than | SL làm TB            | SL thực rút         | SL còn lại           | Ngày xong | Mục đích sử dụng |                                                  |
|-----------|--|------------------------------------------|-------------|----------|-----------------|--------------------|-----------|----------------------|---------------------|----------------------|-----------|------------------|--------------------------------------------------|
|           |  | <u>Tàu chuyển tải</u>                    |             |          |                 |                    |           | <u>194 700</u>       | <u>77 098</u>       | <u>117 602</u>       |           |                  |                                                  |
|           |  | <u>Tàu đang làm hàng</u>                 |             |          |                 |                    |           | <u>102 200</u>       | <u>77 098</u>       | <u>25 102</u>        |           |                  |                                                  |
| 1         |  | ĐIỆN VĨNH TÂN 1                          | 22/09       | 1265/9   |                 | VIỆT THUẬN 215-02  | CẨM 6A.1  | 21 300               | 21 281              | 19                   | 02/10     | HỘ LỚN           | TTHG: 16.781,66- KVCP: 4.499,64                  |
| 2         |  | ĐIỆN VĨNH TÂN 2                          | 22/09       | 1266/9   |                 | VIỆT THUẬN 30-06   | CẨM 6A.10 | 29 200               | 28 960              | 240                  | 02/10     | HỘ LỚN           | KDTC: 8.214,99 - CLM: 13.895,23 - KVCP: 6.850,21 |
| 3         |  | ĐIỆN VĨNH TÂN 2                          | 25/9        | 1270/9   |                 | HẢI NAM 39         | CẨM 6A.10 | 28 550               | 14 480              | 14 070               | RÓT DỖ    | HỘ LỚN           | KDTC: 5.000 - CLM: 13.000 - KVCP: 10.550         |
| 4         |  | ĐIỆN VĨNH TÂN 1                          | 26/9        | 1271-B/9 |                 | HẢI NAM 88         | CẨM 6A.1  | 23 150               | 12 376              | 10 774               | RÓT DỖ    | HỘ LỚN           | TTHG: 13.000 - KVCP: 10.150                      |
|           |  | <u>Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)</u>      |             |          |                 |                    |           | <u>92 500</u>        |                     | <u>92 500</u>        |           |                  |                                                  |
| 1         |  | ĐIỆN VŨNG ÁNG                            | 30/9        | 1289/9   |                 | TRƯỜNG NGUYỄN SKY  | CẨM 5A.14 | 26 200               |                     | 26 200               |           | HỘ LỚN           | KDTC: 10.000 - CLM: 16.200                       |
| 2         |  | ĐIỆN DUYÊN HẢI                           | 02/10       | 1305/10  |                 | QUANG VINH 188     | CẨM 5B.14 | 19 200               |                     | 19 200               |           | HỘ LỚN           | TTHG: 11.200 - KDTC: 8.000                       |
| 3         |  | ĐIỆN VĨNH TÂN 1                          | 02/10       | 1307/10  |                 | TRƯỜNG NGUYỄN STAR | CẨM 6A.1  | 23 300               |                     | 23 300               |           | HỘ LỚN           | TTHG: 18.000 - KVCP: 5.300                       |
| 4         |  | ĐIỆN DUYÊN HẢI                           | 02/10       | 1308/10  |                 | VIỆT THUẬN 26-01   | CẨM 6A.14 | 23 800               |                     | 23 800               |           | HỘ LỚN           | TTCO: 14.800 - TTHG: 9.000                       |
| <b>II</b> |  | <b><u>KHO G9-HÓA CHẤT</u></b>            |             |          |                 |                    |           | <b><u>51 059</u></b> | <b><u>7 138</u></b> | <b><u>43 921</u></b> |           |                  |                                                  |
|           |  | <u>Tàu đã làm hàng</u>                   |             |          |                 |                    |           | <u>8 660</u>         | <u>7 138</u>        | <u>1 522</u>         |           |                  |                                                  |
| 1         |  | MIỀN NAM                                 | 01/10       | 1 106    | 08/10           | HOÀNG ANH 39       | CẨM 7A    | 3 000                | 2 957               | 43                   | 02/10     | TD               | ĐN - CS - GIA HẠN L1                             |
| 2         |  | SÔNG HỒNG                                | 01/10       | 1 040    | 08/10           | BN - 2625          | CẨM 7C    | 900                  | 898                 | 2                    | 02/10     | TD               | ĐN - CS - GIA HẠN L1                             |
| 3         |  | MIỀN NAM                                 | 01/10       | 1 214    | 08/10           | HP - 6093          | CẨM 7C    | 2 000                | 1 991               | 9                    | 02/10     | TD               | ĐN - CS - GIA HẠN L1                             |
| 4         |  | CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG | 01/10       | 1 184    | 08/10           | BN - 1829          | CẨM 8A    | 1 660                | 933                 | 727                  | DỖ        | TD               | ĐN - CS - GIA HẠN L1                             |
| 5         |  | CP HÀNG HẢI VN                           | 01/10       | 935      | 08/10           | BN - 1816          | CỤC 1B    | 1 100                | 358                 | 742                  | DỖ        | TD               | ĐN - CS - GIA HẠN L1                             |
|           |  | <u>Tàu đã làm lệnh</u>                   |             |          |                 |                    |           | <u>42 399</u>        |                     | <u>42 399</u>        |           |                  |                                                  |
| 1         |  | CP ĐTTM&DV                               | 27/9        | 1 105    | 30/9            | BN - 1135          | CỤC 1B    | 910                  |                     | 910                  |           | TD               | CAO SƠN - THAY TB 1107/8                         |
| 2         |  | HÀ NAM NINH                              | 27/9        | 1 111    | 30/9            | ND - 3168          | CẨM 8A    | 1 900                |                     | 1 900                |           | TD               | ĐN - CS                                          |
| 3         |  | CP HÀNG HẢI VN                           | 29/9        | 1 185    | 30/9            | BN - 2158          | CẨM 8A    | 1 538                |                     | 1 538                |           | TD               | ĐN - CS - THAY TB 1158/8                         |
| 4         |  | CP DVVT QUẢNG NINH                       | 30/9        | 1 205    | 30/9            | HD - 1188          | CỤC 1B    | 1 900                |                     | 1 900                |           | TD               | THỐNG NHẤT                                       |
| 5         |  | COALIMEX                                 | 30/9        | 1 209    | 30/9            | HÀ HẢI 66          | CẨM 7C    | 3 300                |                     | 3 300                |           | PT CB            | ĐN - CS                                          |
| 6         |  | CP DVVT QUẢNG NINH                       | 30/9        | 1 221    | 30/9            | BN - 1799          | CỤC 1B    | 900                  |                     | 900                  |           | TD               | THỐNG NHẤT - THAY TB 71/8                        |
| 7         |  | MIỀN NAM                                 | 30/9        | 1 225    | 30/9            | AN THÀNH 18        | CẨM 8A    | 2 400                |                     | 2 400                |           | TD               | ĐN - CS                                          |
| 8         |  | MIỀN TRUNG                               | 30/9        | 1 229    | 30/9            | PHÚC THỊNH 18      | CẨM 7A    | 1 930                |                     | 1 930                |           | TD               | ĐN - CS                                          |
| 9         |  | NINH BÌNH                                | 30/9        | 1 230    | 30/9            | TB 1382            | CỤC 1B    | 1 000                |                     | 1 000                |           | TD               | CAO SƠN - THAY TB 1093/8                         |
| 10        |  | CP ĐTTM&DV                               | 30/9        | 1 236    | 30/9            | PT - 2698          | CỤC 1A    | 1 200                |                     | 1 200                |           | TD               | ĐN - CS - THAY TB 1100/8                         |
| 11        |  | CP VT THUỶ                               | 30/9        | 1 238    | 30/9            | HD 1818            | CẨM 8A    | 1 981                |                     | 1 981                |           | TD               | CAO SƠN                                          |
| 12        |  | CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG | 30/9        | 1 239    | 30/9            | NB 8927            | CẨM 8A    | 3 020                |                     | 3 020                |           | TD               | CAO SƠN                                          |
| 13        |  | COALIMEX                                 | 30/9        | 1 241    | 30/9            | KHÁNH MINH 68      | CẨM 8A    | 2 300                |                     | 2 300                |           | TD               | ĐN - CS                                          |

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG ĐKSX

NGÀY 02 THÁNG 10 NĂM 2025

| STT |                 | Khách hàng                    | Ngày làm TB | Số TB  | Ngày hết hạn TB | Tên phương tiện | Loại than | SL làm TB | SL thực rút | SL còn lại | Ngày xong | Mục đích sử dụng |                                    |
|-----|-----------------|-------------------------------|-------------|--------|-----------------|-----------------|-----------|-----------|-------------|------------|-----------|------------------|------------------------------------|
| 14  |                 | CP HÀNG HẢI VN                | 30/9        | 1 243  | 30/9            | HP - 6238       | CÁM 7C    | 1 960     |             | 1 960      |           | TD               | ĐN - CS                            |
| 15  |                 | COALIMEX                      | 30/9        | 1 244  | 30/9            | BN - 2212       | CÁM 8A    | 1 921     |             | 1 921      |           | TD               | ĐN - CS                            |
| 16  |                 | CP VT&KD THAN                 | 01/10       | 1 069  | 08/10           | BN - 2005       | CÁM 8A    | 1 542     |             | 1 542      |           | TD               | ĐN - CS - THAY TB 1204/8           |
| 17  |                 | CP ĐTTM&DV                    | 01/10       | 1 222  | 08/10           | BN - 2128       | CÁM 8A    | 1 000     |             | 1 000      |           | TD               | ĐN - CS - GIA HẠN L1               |
| 18  |                 | CP ĐTTM&DV                    | 01/10       | 1 223  | 08/10           | HD - 2056       | CÁM 8A    | 1 100     |             | 1 100      |           | TD               | ĐN - CS - GIA HẠN L1               |
| 19  |                 | CẦU ĐUÔNG                     | 01/10       | 1 226  | 08/10           | BN - 2203       | CÁM 8A    | 1 500     |             | 1 500      |           | TD               | ĐN - CS                            |
| 20  |                 | COALIMEX                      | 01/10       | 1 228  | 08/10           | QN - 7596       | CÁM 8A    | 1 700     |             | 1 700      |           | TD               | ĐN - CS - GIA HẠN L1               |
| 21  |                 | HÀ NỘI                        | 02/10       | 1235B  | 03/10           | BN - 2225       | CỤC 1A    | 1 000     |             | 1 000      |           | TD               | ĐN - CS - THAY TB 1235/9           |
| 22  |                 | COALIMEX                      | 02/10       | 1 242  | 09/10           | BN - 0962       | CÁM 8A    | 1 000     |             | 1 000      |           | TD               | CAO SƠN - GIA HẠN L1               |
| 23  |                 | SÔNG HỒNG                     | 01/10       | 25     | 08/10           | BN - 1626       | CỤC 1A    | 917       |             | 917        |           | TD               | ĐN - CS                            |
| 24  |                 | CP ĐTTM&DV                    | 01/10       | 45     | 08/10           | THÀNH AN 45     | CỤC 1B    | 1 000     |             | 1 000      |           | TD               | THỐNG NHẤT                         |
| 25  |                 | CP ĐTTM&DV                    | 01/10       | 45     | 08/10           | THÀNH AN 45     | CÁM 8A    | 930       |             | 930        |           | TD               | ĐN - CS                            |
| 26  |                 | XD CN MỎ                      | 02/10       | 60     | 09/10           | BN - 1718       | CỤC 1B    | 1 500     |             | 1 500      |           | TD               | ĐN - CS + CAO SƠN - THAY TB 1191/9 |
| 27  |                 | CP ĐTTM&DV                    | 02/10       | 73     | 09/10           | BN - 1468       | CÁM 8A    | 1 050     |             | 1 050      |           | TD               | ĐN - CS -- THAY TB 1047/9          |
| III | KHO BẢO NGUYỄN  |                               |             |        |                 |                 |           | 3 592     | 3 591       | 1          |           |                  |                                    |
|     | Tàu đã làm hàng |                               |             |        |                 |                 |           | 3 592     | 3 591       | 1          |           |                  |                                    |
| 1   |                 | ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ              |             | 141/10 |                 | SƠN HẢI 09      | CÁM 5A.14 | 3 592     | 3 591       | 1          | 02/10     |                  |                                    |
|     | Tàu đã làm lệnh |                               |             |        |                 |                 |           |           |             |            |           |                  |                                    |
| IV  | KHO CẢNG KM6    |                               |             |        |                 |                 |           | 16 569    | 8 829       | 7 740      |           |                  |                                    |
|     | Tàu đã làm hàng |                               |             |        |                 |                 |           | 8 899     | 8 829       | 70         |           |                  |                                    |
| 1   |                 | KDT MIỀN BẮC                  | 30/9        | 1 227  | 30/9            | BN 2699         | Cám 5b.1  | 1 963     | 1 959       | 4          | 02/10     | CBPT             |                                    |
| 2   |                 | KDT MIỀN BẮC                  | 01/10       | 1 215  | 16/10           | NĐ 4337         | Cám 5b.1  | 3 000     | 2 989       | 11         | 02/10     | CBPT             | GIA HẠN L1                         |
| 3   |                 | DV VT QUẢNG NINH              | 01/10       | 23     | 08/10           | BN 2115         | Bùn 3c    | 1 500     | 1 492       | 8          | 02/10     | TD               |                                    |
| 4   |                 | ĐIỆN VĨNH TÂN 1 ( HẢI NAM 88) | 02/10       | 146    | 12/10           | SƠN HẢI 08      | Cám 6a.1  | 2 436     | 2 390       | 46         | 02/10     |                  | T/T SƠN HẢI 07                     |
|     | Tàu đã làm lệnh |                               |             |        |                 |                 |           | 7 670     |             | 7 670      |           |                  |                                    |
| 1   |                 | THAN ƯƠNG BÍ                  | 01/10       | 1 193  | 08/10           | BN 0936         | Don 8a    | 1 000     |             | 1 000      |           | TD               | GIA HẠN L1                         |
| 2   |                 | DV VT QUẢNG NINH              | 01/10       | 24     | 08/10           | BN 2112         | Cục 1b    | 1 150     |             | 1 150      |           | TD               |                                    |
| 3   |                 | VTT VINACOMIN                 | 02/10       | 59     | 09/10           | BN 1758         | Don 8a    | 1 020     |             | 1 020      |           | TD               |                                    |
| 4   |                 | CROMIT THANH HÓA              | 02/10       | 64     | 09/10           | MINH HẮNG 313   | Cám 6a.1  | 3 400     |             | 3 400      |           | CBPT             |                                    |
| 5   |                 | TM DV VINACOMIN               | 02/10       | 66     | 09/10           | QN 4438         | Cục 1b    | 1 100     |             | 1 100      |           | TD               |                                    |
| V   | TÀU XUẤT KHẨU   |                               |             |        |                 |                 |           | 25 800    | 11 095      | 14 705     |           |                  |                                    |
|     | Tàu đã làm hàng |                               |             |        |                 |                 |           | 25 800    | 11 095      | 14 705     |           |                  |                                    |

**BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ**

**NGÀY 02 THÁNG 10 NĂM 2025**

[illegible]